

# Mưa Nắng Dakto

Liên Đình – Trang Y Hạ



dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa.

Mưa nắng ở (DakTo - KonTum) là chuyện rất đổi bình thường bởi khí hậu hai mùa mưa nắng rất rõ rệt không cần chi phải nói. Tuy nhiên kể từ khi Cộng Quân tấn công chiếm quận DakTo, Trung Đoàn 42, Phi Trường Phụng Hoàng vào ngày - (Hai mươi bốn, tháng tư, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai), thì hai mùa "Mưa Nắng DakTo" bây giờ đã trở thành một nỗi - tang thương, ám ảnh không thể nào quên đối với những (người dân không di tản kịp), đã bị Cộng Quân dồn vào ở trong các "Khu Sơ Tán" giữa rừng sâu nước độc... ! Cho dù sau này có được trở về lại ngôi nhà cũ thì đó cũng chỉ là trên mặt "hình thức" chứ thật ra có khác gì bị cầm tù ở chính nơi mà người dân đã từng cư ngụ trong - "An Bình, Tự Do, Nhân Ái" từ nhiều năm về trước

Mùa mưa, đã gợi nhớ cho tôi về những cơn mưa rừng kéo dài, từ - năm, ba ngày - cho tới nửa tháng - khói núi, mây mù âm u gió lạnh...! Tiếng mưa rừng, gió núi vẫn luôn là âm điệu nghe quen tai từ: trên mái hiên, trên mái nhà, trên cành lá..., làm cho tôi liên tưởng tới nhạc phẩm "Giọt Mưa Trên Lá" của (Phạm Duy). Mưa rừng gió núi có lúc dữ dội, cứ tưởng như nước dồn úp lại trên cái máng xối đổ ập xuống... Mưa mùa, mưa lê thê, mưa dai dẳng và rồi có đôi khi trời lại ngưng mưa một vài hôm - cho nắng có chút thời gian sưởi ấm lại khung-trời lạnh lẽo cho dù là le lói...!

Người đi trong mùa mưa rừng, từ ướt rồi lại khô. Cho dù nước có bốc hơi qua thân nhiệt nhưng cái lạnh vẫn thấm dần vào trong thân thể - do đói, khát - cũng như lo lắng, chờ mong một ngày nào đó được trở về vùng tự do, thanh bình như thuở trước...! Tôi, một cô gái (chưa tới tuổi trưởng thành) khom người xuống công cái ba-lô củ mì nặng nề trên lưng, bước đi vội vã như chạy trốn...! Đường rừng lầy lội, đất đỏ "badan" dẻo nhẹ, đôi chân trần cố bám xuống bùn để khỏi bị té...! Chỉ mới một năm chịu đựng trong "khu sơ tán" thôi mà đã quá kinh khủng đối với tôi và không biết rồi đây sẽ phải chịu đựng sự gian khổ tới bao lâu...?!

Năm 1972, mất Quận DakTo, (Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng Dak Tô lúc bấy giờ là Thiếu Tá Lò Văn Bảo) và mất luôn Trung Đoàn 42. Từ đó, chúng tôi bị "Cộng Quân" giam lỏng trong những cánh rừng già với cái tên thật đẹp mà xa lạ, như: "Sơ Tán" - "Giải Phóng". Không biết tôi đã đi qua bao nhiêu cánh rừng, đi qua bao nhiêu đồi núi và làm không biết bao nhiêu cái lán, cái trại tạm bợ để ở...! Tôi không thể nhớ hết. Chúng tôi còn thua kiếp sống của dân "Du-Mục, bởi dân du mục họ còn được các quyền tự do chọn lựa hướng đi mà đi, họ có thời gian chuẩn bị lương thực... Đàng này, chúng tôi thì không có gì cả ngoài vài ba bộ quần áo...! Đói khát, bệnh tật, rách rưới, chết chóc lúc nào cũng đeo bám... Hàng ngày tôi phải lần mò đi kiếm cái ăn trên mấy cái rẫy cũ của người Thương, tìm bới khắp mọi nơi... gặt được cái gì thì ăn cái nấy, ăn cả những con trùn, cào cào, châu chấu, rau tàu bay, lá mì, lõi cây chuối...! Cái gì ăn được thì lượm ăn ngấu nghiến để giữ cái mạng sống...! Hôm nào may mắn hái được - rau má, nấm rơm, nấm mối... bữa đó quả là một bữa yến tiệc thịnh soạn...! Muối ! Muối là nhu cầu thiết yếu trong bữa ăn hằng ngày - nhưng lúc này rất khan hiếm. Mẹ tôi cầm một chỉ vàng chỉ đổi được có một lon muối. Vậy mà, nhiều lúc không có muối để mà trao đổi...! Đồng tiền miền Nam bây giờ chỉ là tờ giấy lộn ! Những lúc ngồi buồn lấy mấy tờ tiền giấy đó ra xếp làm phi cơ để chơi... Thời gian vô định chẳng biết ngày tháng nên cứ - nhìn bóng nắng để đoán thì giờ; nhìn trăng để ước định ngày...! Cuộc sống chẳng khác người gì "tiền sử" là mấy.

Có những hôm không kiếm được gì để ăn, tôi bước đi thong thả..., lắng nghe âm thanh chung quanh...! Đó là tiếng - lao xao của gió; của lá cây; tiếng côn trùng nỉ non và tiếng róc rách từ dòng suối...! Giây phút (thoát tục) đó, tôi chợt nhớ về: "*Suối mơ bên rừng thu vắng, dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng. Suối ơi ! Ôi, nguồn yêu mến còn ghi chẳng bóng ai tìm đến*". Nước mắt tôi lại rơi...! Và rồi lại nhớ: "*Yêu người như lá đổ chiều đông, như mây hồng chưa tím, như con chim khóc trong lồng... Như cơn giông đêm hè, tình ta nứt nở canh khuya... "*. Bài hát trong băng cát-xét mà tôi cứ nghe đi nghe lại qua tiếng hát Thái Thanh. Đêm cuối cùng trong căn hầm nhà tôi, tôi ngồi với cuốn sách "*Buồn Ôi ! Vĩnh biệt. Buồn ơi ! Bắt tay !*" Tác giả: (Francoise Sagan). Tôi nhớ thật nhiều những ngày tháng êm ấm đã qua. Ngày mà tôi tung tăng cắp sách đến trường

cùng thầy cô, bạn hữu. Ngày mà ĐakTo, Tân Cảnh thất thủ mọi người lũ lượt kéo nhau về KonTum trên con đường Quốc Lộ Mười Bốn. Đoàn người chạy giặc hốt hoảng, kẻ khóc người la...! Dòng người chạy giặc kéo dài hàng - hai, ba cây số... Thương cho một Thị Trấn miền núi nhỏ thôi nhưng lại sầm uất, đông đúc..., phần nhiều là gia đình quân nhân của lính (Trung Đoàn Bốn Mười Hai (42) và một số thương nhân lên buôn bán. Đơn vị hành chính ở Tân Cảnh được phân chia thành nhiều xóm: (Xóm Chuối (vì trồng nhiều chuối) - Xóm Thái (phần đông người Thái di cư tới từ năm 1956) - Xóm Hồ Sen - Xóm Chợ - Xóm Cầu 42 - Xóm Cao Đài) . Trên đường "chạy giặc" cũng có lính và trực thăng bay yểm trợ... Tôi đi đến đầu dốc giữa Diên Bình - Tân Cảnh, may mắn được gặp gỡ rất nhiều những chú lính từ Trung Đoàn 42 thoát ra - phần nhiều là người quen, dáo dác hỏi thăm và tìm kiếm gia đình.



Người dân chạy giặc vì thời gian quá cấp bách nên đồ đạc, tư trang không mang được gì nhiều. Đợt chạy đi đầu tiên, thì Cộng quân chưa chặn đường nên một số người dân đến được làng (Ngô Trang, Tri Đạo) - Nơi đó có xe tiếp nhận của Tỉnh đưa về thị xã KonTum ở trong trại tạm cư. Tốp người dân đi phía sau bị Cộng quân chặn đường không cho đi. Một số người thấy nguy, vội quay đầu trở lại làng Thượng KonHring. Làng KonHring lúc đó chưa bị Cộng Quân chiếm giữ, lính từ Trung Đoàn 42 thoát ra và các tiền đồn rút về nên cũng tạm yên tâm. Số dân chúng ở các xã lân cận cũng tập trung ở KonHring. Mẹ tôi vội mua mấy đôi dép cho mấy chị em, bởi khi được kêu ra khỏi hầm trú ẩn để di tản thì quá hấp tấp cho nên không một ai kịp mang giày, dép nên đi chân trần. Trời nắng, mặt đường nhựa nung nóng, chạy được mấy cây số, đôi chân đã phỏng rộp đau rất tưởng như không chịu thấu.



Làng Kon H'ring năm 1957

Dân chúng chạy giặc đều tập trung trong khuôn viên Bệnh Viện của nhà thờ KonHring. Linh Mục (Christian Léoni) là Linh Mục cai quản Giáo xứ KonHring cùng với các bà Ma-soeur lo cứu thương băng bó cho dân... Tất cả mọi người ai cũng lo âu nên không thể ngủ được bởi tiếng bom nổ... Trời vừa sáng mọi người khăn gói đi theo các anh lính vô rừng về KonTum. Quốc Lộ 14, con đường huyết mạch duy nhất đi về Thị Xã KonTum lúc này đã bị Cộng Quân chặn lâu dài ở làng KonHnong. Đàn bà, con nít trèo đèo lội suối đi theo không nổi, bị rớt lại phía sau, bị lạc trong rừng ba bốn ngày, khi tìm được đường ra Quốc Lộ 14, thì hóa ra đã trở về chỗ cũ, là làng KonHring. Tôi còn nhớ, đêm

ngủ trong rừng cùng với gia đình tôi có một cô ẵm theo đứa con nhỏ khoảng một tuổi quấn trong chiếc khăn lông, suốt trên đường đi không nghe bé khóc. Tối đến cô (người mẹ) đặt em bé ngủ bên cạnh tôi trên tấm áo mưa mà tôi đã đem theo. Khoảng nửa đêm tôi bị kiến lửa đốt, tôi ngồi dậy và nói với cô là có kiến lửa. Cô (người mẹ) không nói gì. Trời hừng sáng tôi thấy kiến lửa bu đầy mặt em bé, kiến ăn mất hai con mắt...! Cô (người mẹ) mới cho biết là bé đã chết vì rơi xuống xe khi cô cố leo lên chiếc xe đò khi di tản. Hôm đó cô (người mẹ) đành bỏ xác bé lại rừng, chỉ phủ một tấm khăn mỏng.

Trong nhón dân đi lạc trong rừng có ba anh lính trinh sát. Một anh trèo lên cây tìm hướng về lại làng KonHring. Nhưng làng KonHring lúc này đã bị Cộng Quân chiếm giữ. Chị và em của tôi thay phiên nhau về nhà ở Tân Cảnh để lấy ít đồ dùng và lương thực nhưng chẳng lấy được thứ gì vì đã có ai đó vơ vét lấy sạch hết. Trên đường đi về Tân Cảnh - kinh hoàng nhất là đoạn đường - từ đầu dốc Diên Bình đến cuối dốc Tân Cảnh - xác người nằm đầy đường...! Lính có, dân có họ nằm vắt vẻo trên các chiếc xe bị cháy...! Tôi phải bịt mũi nín thở nhảy qua các xác chết đó để đi qua... Tôi nhìn các anh lính tử trận nằm dưới gốc cây, gối đầu trên mũ sắt, gác tay lên trán mà tưởng như các anh đang ngủ...! Tôi thấy quần phục của một anh lính mang cấp bậc Thiếu

Ủy, tôi cảm nhận được trên khuôn mặt của anh sự bình thản trong cái chết. Tại ngã ba Cây Thánh Giá (Tân Cảnh) - mũ sắt, giày saut, quần phục, súng vất đầy trên đường. Có thể là các anh đã bị bắt làm tù binh... Sau năm một chín bảy mươi lăm, cô bạn học của tôi bị bắt đi theo toán tù binh này, kể lại rằng: *"Mấy anh lính bị cột tay chung một dây, khi đi ai bị ngã không đứng dậy kịp là bị bắn chết..."*. Những người dẫn tù binh toàn là "du kích" người Thượng. Lúc này ở KonHring, máy bay L-19 và trực thăng quần thảo liên tục... Họ thả truyền đơn và phát loa kêu gọi dân chúng hãy ra khỏi vùng nguy hiểm và bắn khói đỏ cảnh báo sẽ oanh tạc.

Lúc dân chạy giặc tụt về tới KonHring... Cộng quân bắt Ba tôi đi vào rừng, còn ba anh trinh sát đi theo gia đình tôi thì chưa bị bắt. Tối đó, mấy anh kêu mẹ con tôi nên rời khỏi KonHring vì ở đây rất nguy hiểm, do chẳng biết đi đâu nên đành trở về lại nhà ở Tân- Cảnh. Khi đi ra khỏi làng KonHring mấy anh lính trinh sát nói với mẹ con tôi - *"...Hãy đi theo chúng tôi tìm đường về Ben-He"*. Mẹ tôi không chịu đi. Trong ba anh, có một anh ở lại cùng gia đình tôi và rồi sau đó anh cũng bị bắt đưa đi vô rừng. Sau này tôi được biết anh đã chết trong tù.

Gia đình tôi dắt díu nhau trở lại Tân Cảnh, chờ ngày ba tôi đi "cải tạo" trở về. Tân Cảnh lúc này cũng chẳng thấy bóng người, sợ quá nên mẹ con tôi không dám trở về nhà đành lên xóm trên xem có còn ai không? Không còn một ai ở đó cả ! Chỉ thấy cửa nhà trống trơn... Đến tối, "Ban Quân Quản Cộng Quân" đưa mẹ con tôi vào rừng, nói là "Khu Sơ Tán". Tiếp theo sau đó là những chuỗi ngày cơ cực. Lúc ban đầu, "Khu Sơ Tán" nằm dưới ngọn đồi sau Chùa, vào đây gặp được lại nhiều người quen nên cũng có phần yên tâm. Thời gian đầu cái ăn vẫn còn dễ tìm ở trong các ngôi nhà chưa đổ nát, ở đó vẫn còn một số gia súc... Tôi đi bắt gia súc đem về làm thịt ướp muối để dành ăn.

Nhà tôi ở ngay chân đồi Trung Đoàn 42, nên dễ bị đạn lạc, lần đầu tiên tôi chứng kiến hỏa tiễn đuổi theo chiếc trực thăng, may sao không trúng. "Trung Tâm Hành Quân, Bồn Nước, Kho đạn Trung Đoàn 42" đều bị cháy do hỏa tiễn "tầm nhiệt" của Cộng Quân tấn công. Hỏa tiễn được điều khiển bằng một sợi dây nhỏ như dây cước. Nhà tôi nằm dưới đường đi của hỏa tiễn bắn từ hướng Chùa cho nên trên mái nhà tôi sợi dây hỏa tiễn giăng đầy... Mỗi ngày Trung Đoàn 42 hứng từ bảy đến tám ngàn quả pháo (theo tôi ước chừng)... Thấy tình hình không ổn gia đình tôi khăn gói lên phố ở nhờ nhà chú (Tân Triều Phát) cùng là người Tàu với mẹ tôi, để hôm sau đi di tản. Cộng quân chiếm được ĐakTo, quân chủ lực họ rút đi đâu hết chỉ còn có "Cán bộ nằm vùng" tiếp quản... Có một số lính Yếu Khu ở lại cố thủ trong đó có đơn vị của Thiếu tá U cố thủ ở (Xóm Chuối) chờ tái chiếm nhưng sau đó Bác Thiếu Tá U được lệnh phải dọn bãi đáp cho trực thăng đưa đơn vị trở về KonTum. Thật không may cho Bác, lúc cấp bách chạy lên bãi đáp, Bác Thiếu Tá U bị vướng mìn bị thương nơi chân bị Cộng Quân bắt. Họ lôi Bác trên đường như một con vật. Chị tôi thấy vậy, liền đi tìm Bác gái báo tin... Họ cho người thân gặp hai lần. Chân Bác Thiếu tá U bị cắt đến tận háng! Thời gian sau không còn tin tức gì của Bác nữa.

Cán bộ nằm vùng, họ bắt đầu phân tán bót dân bằng cách đưa vào bên trong núi sâu. Họ nói: *"Vô trong chỗ ở mới sẽ có Trường Học và có lương thực đầy đủ..."*. Nghe như vậy mọi người xung phong đi, ở ngoài này chỉ còn khoảng mười gia đình. Tuy nhiên đó chỉ là lời nói "tuyên truyền", còn thực tế thì không như họ nói. Bác gái và hai đứa con gái của Bác Thiếu Tá U cũng đi theo vô phía trong núi. Ở sâu trong núi, mọi người sống chung với người Thượng. Ban ngày họ đi làm rẫy, mọi người cũng phải đi theo họ làm rẫy, tới bữa ăn họ chỉ cho ăn - khoai lang, khoai mì... ! Lúa, gạo bắp dồn hết vào trong kho để nuôi cán bộ, bộ đội. Một hôm, du kích trong làng kêu Bác gái (vợ của Thiếu Tá U) đi theo bắt - cua, cá... Đến tối hôm đó không thấy Bác gái trở về. Nghe mấy người du kích nói lại: *"... Vừa đi bắn con ma về !"*. Vài ngày sau họ cũng muốn bắn hai chị em, con của bác Thiếu tá U, nhưng nhờ bà con có mặt ở nơi đó, xúm nhau nói: *"Hai chị em, chỉ là con nuôi của bác..."*. Nhờ lý do đó mà Họ không bắn.

Một hôm hai chị em tôi mò về vườn nhà chặt buồng chuối còn xanh mang vào rừng, lúc vào lại rừng đi ngang qua ngôi nhà bỏ trống ngay ngã ba, chị em tôi nghe tiếng gọi (...). Chúng tôi bước vào thì thấy có bốn anh lính, tất cả họ đều bị thương, có hai anh bị thương rất nặng nằm trên giường (trong nhà lúc này chẳng có gì cả). Có hai anh là Sĩ Quan cấp bậc Chuẩn Ủy thiết giáp Sư Đoàn 23 tăng cường. Tôi ngạc nhiên vì các anh bị thương như thế mà có thể đi bộ từ nơi đóng quân xuống tới đây, cách mấy cây số mà lại không gặp du kích. Trong bốn anh lính chỉ có một anh bị thương nhẹ nhất là: gãy chân. Các anh, viết địa chỉ của gia đình các anh, và nói: *"nếu em nào mà trốn về được dưới miền xuôi thì làm ơn báo giúp cho gia đình chúng tôi biết, rằng chúng tôi vẫn còn đang sống"*. Trờì gần tối, chị em chúng tôi phải vào lại rừng, để lại cho các anh nhánh chuối xanh luộc ăn tạm, ngày mai chị em tôi sẽ trở ra và mang thức ăn cho các anh.

Ngày hôm sau “cán bộ” không cho ra khỏi “khu sơ tán”. Hai ngày sau mới được cho đi ra, việc đầu tiên là tôi ghé đưa lương thực cho các anh lính. Nhưng hồi ôi...! Các anh đã chết hết...! Đau thương nhất, là anh lính bị gãy chân chết nằm kề bên nồi chuối chưa kịp bắc lên bếp! Cả bốn anh đều có vết thương chảy máu nơi màng tang...! Không một ai chôn cất cho các anh. Thân xác các anh bị - Chó, heo, gà xé ra mà ăn...! Tôi kể lại hai câu chuyện trên để thấy rằng **Tính nhân đạo trong chiến tranh đã chẳng hề có ở bên phía “Thắng Cuộc”**. Tiếc thay, nếu các anh lính sống thêm vài ngày nữa thì các anh đã được đồng đội cứu thoát...!

Một buổi sáng, họ gom năm mươi người dân, gồm (đàn ông, thanh niên), đem theo lương thực ba ngày trong đó có hai chị gái của tôi. Mẹ tôi dự cảm biết có chuyện chẳng lành - nên bà đã đưa cho các chị hai chỉ vàng. Mẹ tôi dặn: "*Nếu hai con thấy thuận lợi thì cứ trốn đi đừng lo cho mẹ và các em còn lại ở nhà*". Mọi người đang tập trung ở sân Chùa thì hàng loạt phản lực cơ thả bom quanh núi. Tiếp đến mười mấy chiếc phi cơ trực thăng đáp xuống - đưa được một số người lên máy bay và thêm một số người đi ra kiếm ăn ở bên ngoài. Thời gian này tôi đang ở tại nhà, còn mẹ tôi bà vừa chạy vừa khóc trở về “khu sơ tán” vì thấy thả bom. Mẹ tôi nghĩ rằng những người ở trong đó đã chết hết rồi. Tôi thấy hai chiếc phi cơ trực thăng bay quanh trên mái nhà. Tôi vội nhảy xuống đường mương nước phía sau nhà trốn vì sợ đạn lạc. Bất chợt có một anh mang cấp bậc Trung Úy nhảy xuống gọi tên tôi nhiều lần... Tôi không hiểu vì sao tôi không dám ngóc đầu lên, (Tôi khiếp đảm vì trước đó đã nhìn thấy họng súng máy lăm lăm... chĩa xuống nhà tôi!). Anh Trung Úy không tìm được tôi, họ bay đi. Tình hình yên ắng một lúc thì cô bé hàng xóm chạy xuống nhà tôi. Nó kể: "*Phi cơ trực thăng xuống bốc mọi người đi rồi*". Lúc đó tôi mới biết hai chị tôi đã được đi. Tôi hỏi nó "*Sao mày không đi?*". Nó nói: "*Tao leo lên máy bay rồi, mà thằng em của tao nó không chịu leo lên, tao đành nhảy xuống - không thể bỏ nó được*". Sau năm một chín bảy mươi lăm, hai bà chị của tôi cho biết: "*Toán về cứu thoát là lính của chi khu DakTo*". Chị tôi đã từng làm việc ở Chi Khu DakTo. Người Trung Úy xuống tìm tôi, cũng là người của Chi Khu DakTo. Có một anh người Hoa đi theo về tìm gia đình nhưng không gặp, khi đi ngang qua hang đá anh đã mang tượng Đức Mẹ lên máy bay về KonTum.

Tôi với cô bạn trốn ở ngoài đồng chứ không vào “khu sơ tán” nữa. Ban ngày hai đứa chúng tôi cứ ngồi dưới mương, thỉnh thoảng leo lên để kiếm cái gì ăn. Được hai ngày, nó bảo: "*Tao đi tìm em tao...!*". Mấy ngày sau mẹ và em tôi cũng ra ở chung với tôi. Một vài gia đình nữa cũng trốn ra ngoài. Phi cơ L-19 thám thính, chúng tôi có dùng kính làm ám hiệu kêu cứu... Họ phát loa: "*Tất cả mọi người hãy đi về hướng Ben Hét, sẽ có người đón*". Nhưng đêm đó chúng tôi bị bắt và bị đưa vào “khu sơ tán” xa hơn... Tối đến, họ bắt mọi người họp. Họ tuyên truyền tính ưu việt của chế độ... Họ kêu gọi xung phong đi thoát ly, họ nói "*Xung phong để lấy tinh thần thôi*". Ai ngờ, ai giờ tay “xung phong” thì đều bị dẫn đi, chỉ có hai người không giờ tay là tôi với một cô bạn.

Đợt giải thoát đã để lại nhiều đau thương cho một số gia đình...! Bởi cha mẹ đi kiếm ăn ở ngoài rẫy, nên được phi cơ trực thăng “bốc” đi gần hết bỏ lại các con bơ vơ...! Những người anh, người chị - mới hơn mười tuổi đầu phải thay cha mẹ lo cho các em, cái đói và chết chóc bắt đầu đến với các em nhỏ từ đây. Số người được phi cơ giải thoát, họ cứ tưởng rằng những người còn ở trong “khu sơ tán” đã chết, bởi trước khi phi cơ đáp xuống - đã có một trận rải bom xung quanh... Thật ra, thì Cộng Quân đánh hơi biết rằng: - sẽ có một cuộc “đột kích” của đơn vị lính Việt Nam Cộng Hòa nhằm giải thoát người dân, nên họ gom năm mươi người khỏe mạnh đi nơi khác nhằm đánh lạc hướng. Đồng thời nếu có dân bị bom chết thì họ sẽ tuyên truyền "*Lính quốc gia bỏ bom giết dân thường - nhằm tố cáo với thế giới*". Ở “khu sơ tán” nhiều lần nên có kinh nghiệm. Mẹ tôi nói - phải làm lều trại gần suối để lấy nước sinh hoạt hằng ngày... Một đêm trời mưa lớn, do đói mệt hai vợ chồng trong nhóm ngủ say trên gác để em bé mấy tháng tuổi bị rơi xuống đất chết mà không hay biết.

Một bữa nọ, họ ra lệnh cho chúng tôi trở về ở hẻm Tân Cảnh chứ không - đi đi, về về như trước... Được trở về nhà cũ thì mừng, nhưng đây là giai đoạn không còn gì để mà ăn; cũng không còn gì để mà mặc; đau ốm cũng không có thuốc men...! Giai đoạn đầu không thể gieo trồng hoa màu để có lương thực. Chẳng có ai cứu đói cho chúng tôi. Chúng tôi phải tự đi tìm thức ăn trong rẫy y như thời gian ở trong “khu sơ tán”. Trong những ngày băng rừng để đi về nhà cũ, tội nghiệp nhất là các em bé mồ côi. Từ “khu sơ tán” phía trên (Kon Đào) trở về Tân Cảnh phải đi mất mấy ngày đàng... Thân thể người lớn cũng rã rượi, bước lạc lè... hướng hồ là những đứa trẻ con làm sao mà chịu nổi với mưa rừng gió núi Cao Nguyên, hơn nữa là chẳng có một tấm áo mưa che thân... Tối đến, dừng chân để nghỉ, mấy anh chị lớn căng vội tấm lều thay đồ cho các em, rồi nhen lửa lên bằng những nhánh củi ẩm ướt... Tất cả đói meo và tất cả ngồi chờ hầm vài lon bắp khô được phân phát. Trên đường đi, tôi chứng các em nhỏ bắt những con cua đá bò theo dòng nước mưa trên núi chảy xuống bỏ vào miệng nhai sống...

Quay lại thời gian từ năm 1972, khi họ đưa dân vô “khu sơ tán” ở trong tận rừng sâu. Tôi còn khỏe, nên đi kiếm ăn ở xa, còn mẹ tôi kiếm thức ăn lòng vòng gần chỗ ở. Tôi hái măng le phơi khô, hái lá cây thuốc, xúc tôm cá dưới suối... Lần nào ra đào củ mì tôi cũng cố gắng đào thật nhiều mang vào “khu sơ tán” dự trữ để phòng hờ những ngày bị cấm không cho ra ngoài. Thông thường, tôi đi ra ngoài vài ba ngày mới trở vào “khu sơ tán” để cung cấp thức ăn cho gia đình. Sau này, tôi ít ở lại nhà mà chọn cách đi vào ban đêm, (những đêm có trăng). Đi ban đêm trời mát, lại tránh được phi cơ thám thính, khi phi cơ thấy vật di chuyển là họ bắn. Họ có biết ai là ai đâu? Trong lúc đào củ mì, hãy nghe tiếng phi cơ thì ngồi im. Đào bụi củ mì nào xong thì chặt hai ba khúc thân cây mì cắm xuống đất lấp lại, để mấy tháng sau lại có củ mì ăn.

Trong “khu sơ tán” chúng tôi mù tịt thông tin bên ngoài. Tôi không biết là đã ký hiệp định “Hòa-Bình” Paris năm 1973”. Một bữa, chúng tôi được tập trung tại nhà (khu chợ Tân Cảnh cũ). Họ nói sẽ cho chúng tôi ăn thịt bò...! Họ cho chúng tôi biết là có phái đoàn quốc tế đến. Họ mớm trước cho chúng tôi phải nói: “*Thưa đoàn quốc tế. Người dân chúng tôi rất thích sống ở nơi đây. Đời sống vật chất cũng như tinh thần được “cách mạng” lo cho đầy đủ...*”. Chúng tôi chờ đợi đến trưa mà không hề thấy phái đoàn nào đến. Và, họ cũng không cho ăn thịt bò như đã hứa. Chúng tôi đành nhịn đói trở lại “khu sơ tán”. Sở dĩ sau này họ cho chúng tôi trở về nhà ở Tân Cảnh là nhờ có “Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973”

Được về lại Tân Cảnh, nhưng chưa hoàn toàn tự do. Hiệp định năm 1973 ký kết chúng tôi chỉ được tạm thoải mái chút đỉnh... Chúng tôi tự dựng nhà, tự khai hoang để trồng trọt nhưng vẫn phải ăn củ mì. (Chúng tôi chế biến củ mì làm nhiều món..., kể cả nấu rượu). Họ bắt vô “Tập đoàn sản xuất” để làm ăn tập thể. Mấy ông tổ trưởng chỉ tới chăm công rồi về. Vậy mà công của mấy ông cao hơn người khác. Làm ăn tập thể bắt thành, họ chia đất cho cá nhân - của ai nấy làm. Tuy nhiên phần đất tốt, ít cỏ thì họ dành cho riêng cho họ.

Kể về chuyên tôi đi học Y Tá: Mỗi Thôn được cử một người, tôi và con gái của Thiếu Tá U cùng đi học chung. Trường học ở trong khuôn viên Bệnh Viện, thấp đèn dầu để học, ban ngày chúng tôi phải đi tìm thức ăn - cho lớp và cho các thầy. Thông thường, chúng tôi vào làng người Thượng xin. Nhìn rẫy của họ nông sản, hoa màu cây trái tươi tốt thì thích lắm. Nguyên một đồi núi bí đỏ, bí đao đã lớn. Đi vào trong làng để xin thì ngại đường xa, cho nên chúng tôi đi thẳng tới rẫy để trực tiếp lấy mà không cần thông qua họ có bằng lòng hay không...! Chủ rẫy người Thượng thấy chúng tôi ngang nhiên lấy hoa màu của họ, vậy là họ rượt đuổi chúng tôi chạy trốn chết...! Ở trường học, gạo chỉ dành riêng cho các thầy ăn. Học viên thì “thoải mái” ăn bắp, củ khoai, củ mì...!

(Ngày mất Quận DakTo và Trung Đoàn 42. Một số người Thượng họ cũng bỏ làng chạy về được Thị xã KonTum và ở trong các Trại Tạm Cư của Chính quyền Quốc Gia)

Mãn khóa học Y Tá, hai đứa chúng tôi về làm việc tại Trạm Xá xã. Thuốc chỉ có: vài ống ký ninh, mấy lọ B1, Vitamin C, B12 và vài chai huyết thanh được pha trong mấy lọ penicilin. Xi-lanh, kim tiêm. Kim tiêm thì đi xin của bộ đội. Kim tiêm phải mài đi, mài lại để dùng. Mỗi lần tiêm cho bệnh nhân xong, rút kim ra là máu chảy theo... bệnh nhân kêu đau...! Chúng tôi có tiếp nhận một bệnh nhân bị phỏng nước sôi, chúng tôi điều trị bằng lá chuối non. Cho bệnh nhân nằm trong mùng tránh côn trùng, lấy lá chuối non quấn vào chỗ bị phỏng, một khi thấy lá non héo thì thay lá non khác, và cho bệnh nhân uống kèm kháng sinh, không lâu sau da non ra rất nhanh.

Tháng 12. 1975, khi nghe tin KonTum “giải phóng”. Tôi quyết định phải đi xuống Thị Xã KonTum để tìm gặp lại hai người chị. Tôi mượn “Cây súng AK và Mũ tai bèo” giả làm “du kích” để đi đường cho dễ. Trước kia băng qua các đồi núi để “di tản” thì chẳng sao cả, giờ đi trên đường lộ lại cảm thấy đau chân. Đến Thị Xã KonTum, tôi rất mừng được gặp lại tất cả bạn học cũ...! Chúng bạn ngạc nhiên, hỏi: “*Ừa ! Mà là Việt Cộng à?*”. - “*Sau này tui tao có bị bắt đi như mày không hả?*”. Tôi cười, nói: “*Không ai muốn đi “Du kích” hay Bộ đội, thì thôi*”. Một cô Cán bộ, đứng gần “Phụ Trách Thanh Niên Tỉnh Đội”. Cô là người ở Xã Diên Bình. (Diên Bình là Xã Dinh Diên) - được hình thành năm 1957 - Từ “Chương Trình Di Dân Lập Ấp” của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Xã có ba thôn, dân số khá đông. Thanh niên trong Xã đi: Nghĩa quân, Cán bộ Xây Dựng Nông Thôn, Cảnh sát... Năm 1972, mất DakTo, người dân xã Diên Bình cũng bị dồn vào các “Khu Sơ Tán” ở bên kia dòng sông Dakpsi chảy ngang qua xã toàn là rừng tre le âm u với - muỗi, mòng, ve vát...! Người dân Diên Bình, ban ngày được “cán bộ nằm vùng” cho về nhà kiếm thức ăn... đồng thời gom: quần áo, mùng, mền, chiếu, gối... Những ngôi nhà nào có lọt tôn “Fibro, tôn nhôm hột mè”, vách ván, ván ép của Mỹ cũng đều phải giờ xuống, giờ cả những cây gỗ làm sườn nhà chuyển hết vào “Khu Sơ Tán” để dựng lều trại ở. Ở mà không biết ngày

nào trở lại nhà xưa. Đói khổ, bệnh tật tràn lan, hơn nữa là trẻ em không được đi học. Do đó có một số người tổ chức trốn thoát để về Thị Xã KonTum, nhưng tất cả bị bắt và bị bắn chết. Tình cảnh người dân ở Xã Diên Bình cũng không khác gì người dân ở Thị Trấn Tân Cảnh và làng Dinh Điền Tri Lễ nằm trên Tỉnh Lộ 512. (Tỉnh lộ 512 bắt đầu từ Tân Cảnh cho tới Tiền Đồn Ben Hét. Làng Dinh Điền Tri Lễ nằm khoảng giữa Phi Trường Phượng Hoàng – Ben Het).

Những người “Cán bộ nằm vùng”, phần nhiều là người Thượng. Họ không biết chữ Việt, thậm chí nói tiếng Việt nói cũng không trôi chảy... Do đó, họ vận động người Kinh có học vấn ra cộng tác... (không “cộng tác” cho họ, thì cũng không xong. Họ sẽ bắt đi “học tập cải tạo”!). Vậy là một số người phải ra làm việc cho họ dù trong lòng không muốn. Sau ngày 30.4.1975, người ra cộng tác, được phong: “Gia đình có công với cách mạng”. Anh em “Huỳnh Đệ Chi Bình” trong đơn vị lính cũ... dù có gặp lại nhau vẫn tay bắt mặt mừng...! Tuy nhiên hầu hết không một ai nói ra chuyện cộng tác với Việt Cộng. Ở chỗ thân thiết, riêng tư, có người đã nói ra cho vui nổi lòng...! “Gặp thời thế thế thời phải thế” mà !

Cô “Phụ trách thanh niên tỉnh đội” người Diên Bình đó, cô thấy mấy đứa bạn tíu tít bên tôi nên cô ta đi đến, hỏi: “*Chị ở đơn vị nào?*”. Tôi không nói. Cô ta liền báo cáo lên “Tỉnh Đội Du Kích” rằng tôi “*Tuyên truyền không đúng !*” Vậy là, tôi bị câu lưu ở đồn Công An, trụ sở họ đóng ở nhà dân. Công an yêu cầu tôi viết ra nội dung “Tuyên truyền không đúng”. Tôi viết ra giấy... Họ không tin và bắt tôi viết lại nhiều lần; lần nào tôi viết cũng giống y như vậy. Mấy người Công An lại nói: “*Nếu cô nói như trong “tờ khai” thì chúng tôi mời cô lên đây làm gì...?*”. Vậy mà, sáng hôm sau họ lại gọi xe đò cho tôi trở về lại Tân Cảnh. Tuy nhiên họ không tha. Họ gọi “hồ sơ” về Địa Phương. Cuộc họp nào ở Thôn, cán bộ ở thôn họ cũng lôi chuyện cũ của tôi ra để nói. Họ nói hoài như để răn đe...!

Năm 1972. Cha tôi bị bắt. Họ nói: “*Đi tập trung học tập cải tạo chỉ nội trong ba ngày*”, nhưng sau đó là đi biên biệt... ! Ba tôi được trao trả tù binh năm 1973, (tính ra chưa được một năm). Tôi còn nhớ hôm đó, có một người cán bộ đến lều mẹ con tôi ở và báo tin như sau: “*Chồng của bà đã được trao trả, đang đi trên đường ... Khoảng bảy ngày nữa là tới nhà...!*”. Bảy ngày trôi qua vẫn không thấy Ba về. Mẹ con tôi cứ nghĩ chắc là ông đi lạc hoặc đã chết dọc đường...! Đến ngày thứ mười gia đình chúng tôi thấy một người đàn ông chống gậy, đi chân đất, hai chân sưng phù phồng to, bộ đồ đang mặc trong người rách te tua... ! Thân thể chỉ còn da với xương, đầu to như ông địa bước đi cứ chúi đầu về phía trước, còn bên hông đeo một ống tre...! Người đàn ông đó, chính là Ba tôi ! Mẹ con chúng tôi đứng chết trân, nhìn ông...! Ông bật khóc...! Ông nói “*Đã được về tới đây gặp lại mẹ, các con ba chết cũng được*”. Vậy mà vì câu nói này (không biết ai báo cáo) mà ba tôi phải lên xã ngồi nghe thuyết giáo thêm ba ngày .

Ba tôi trở về nhà, ông mang đủ thứ bệnh... Da bị ghẻ lở sần sùi do: rận, rệp, muỗi... cắn. Bộ đồ ba tôi mặc, tôi thấy trong mấy lai áo, lai quần đầy trứng rận chi chít... Ông tre ông đeo bên hông toàn là đầu con chuột. Ba tôi kể:

- Ngày được thả ra, cán bộ cấp cho hai lon gạo để ăn đi đường nhưng không có nồi nấu cơm. Để tránh khỏi chết đói đành phải lấy số gạo đó đem đi đổi lấy một số con chuột đồng ở chỗ mấy người Thượng gặp trên đường đi làm rẫy về... Ba đốt lửa nướng chín ăn cầm chừng để cho có chất đạm, còn đầu con chuột thì để dành trong ống tre, lúc nào đói thì đem ra nhai...!

Khoảng hai năm sau ba tôi mất, Ba tôi mất vì chứng “thở huyết”. Bác sĩ cho biết là do - lao tâm, lao lực lại còn ăn uống thiếu thốn mà kiệt sức ! Trong hai năm trở về nhà, Ba tôi kể tường tận cho tôi nghe sự hành hạ thể xác cũng như đời sống ở trong trại “cải tạo”. Ngày xưa Liên xô và các quốc gia theo Cộng Sản các hình thức “Tù Khổ Sai” hay “Tù Học Tập Cải Tạo” phương thức hành hạ, trả thù đều giống y nhau. Điển hình “Trại Giam Đầm Đùn” đăng nhiều kỳ trong tập san (Đại Từ Bi) của Quân Đội viết. Sau ngày về nhà, sức khỏe yếu, nên Ba tôi chỉ phụ trông vườn, câu cá... Mẹ tôi rành về thuốc Nam, bà hái lá thuốc chữa bệnh cho Ba tôi, đồng thời làm men nấu rượu để nấu rượu ngâm thuốc cho Ba tôi uống. Ba tôi lấy mấy tấm tôn gò thành nồi chưng cất rượu... Tôi có nhiệm vụ chưng cất rượu. Ba tôi khen tôi chưng cất rượu ngon, không bị khê, khét hay rượu bị chua...

Tôi nhớ lại ngày còn ở trong rừng, họ thường xuyên bắt chúng tôi phải đổi chỗ ở. Dòng người đi thành hàng một, nắm vạt áo nhau mà đi... Tôi nhớ Bà Thím với bầy con nheo nhóc, đứa con gái lớn của thím đã leo lên phi cơ đi lúc “Lính Chi Khu DakTo đến giải thoát”. Trong khi đó Thím lại đang mang bầu cộng thêm một đứa con còn nhỏ đang ấm trên tay. Ba đứa nhỏ còn lại cũng chỉ mới ba tuổi, bốn tuổi. Do đó Thiêm không thể đi kiếm thức ăn được, mọi người xúm nhau giúp đỡ. Mỗi lần được lệnh phải chuyển chỗ ở mới, rất là cực khổ,

Họ bắt phải đi trong đêm, trời lại mưa lớn. Khi đến nơi ở mới, bà Thím mới phát giác ra là thiếu mất một đứa con. Mọi người quay lại tìm thì thấy cháu đã chết cồng trong hố cá nhân của bộ đội đầy nước mưa...! Sau Hiệp Định năm 1973, Thím về lại nhà ở Tân Cảnh nhưng bầy con của Thiểm chết hết chỉ còn lại một đứa duy nhất. Đó là đứa con mà Thím mang bầu lúc trước !

Thời gian ở trong “khu Sơ Tán”, vì không có “Xà bông, Bột giặt, Kem đánh răng, Bàn chải đánh răng... chúng tôi phải tự lấy ngón tay mà đánh răng... Mỗi lần tắm thì đi tìm chỗ khúc suối vắng người, cởi quần áo ra vo giặt trước, vắt cho ráo nước rồi đem phơi trên bụi cây; sau đó mới tắm...! Tắm không có dầu gội đầu nên sinh chí, rận... Tắm đến khi nào quần áo khô mới trở về ! Ở lâu ngày trong rừng lại ăn uống thiếu thốn, thân thể ốm nhom, ốm nhách - các bệnh phụ nữ như: kinh nguyệt hầu như biến mất trong cơ thể chẳng khác nào đàn ông ! Thời gian ra ngoài sống họ thành lập “Cửa Hàng Mậu Dịch” ở Chi Khu ĐakTo. Sau năm 1975 đổi tên là (Kon Đào). Tuy có danh là “Cửa Hàng” nhưng chỉ để trao đổi hàng hóa nông sản... vì không cho dùng tiền Việt Nam Cộng Hòa, còn tiền miền Bắc thì cũng không có. Trong “Cửa Hàng” chẳng có hàng hóa gì nhiều: Một ít – kim, chỉ, xà bông, dụng cụ làm nông...!

Được về nhà, hằng ngày chúng tôi làm rẫy, tối đến họ bắt họp để “Phê bình kiểm điểm”! Họ lại bắt đi “Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa” đến gần nửa đêm mới cho về nghỉ. Dù mệt chúng tôi cũng tạm thấy vui, kể chuyện tiếu lâm, đùa giỡn cả đám cùng cười...! Tôi còn nhỏ tuổi, nên công việc nặng nhọc đều được các anh làm hết.

Trong “khu sơ tán”, giày dép hư hết. Chúng tôi phải đi lượm lốp xe về cắt ra làm dép cao su như bộ đội. Các anh chị lớn bàn nhau mở lớp dạy cho các em nhỏ chưa biết chữ, chỉ dạy hai môn: “Tiếng Việt và Toán”. Không có vở, bút viết, đành phải dạy trên bảng để các em nhận biết mặt chữ. Nỗi kinh hoàng đối với chúng tôi là dịch sốt rét rừng bắt đầu hoành hành... Hai loại sốt rét nguy hiểm là: “Sốt rét ác tính” và “Sốt rét thể não” (hôn mê), nếu không cứu được kịp thời thì phần nhiều sẽ chết. Đoàn y tế trên khu có xuống phối hợp với y tế địa phương để tìm cách chữa trị...

Năm 1975, sau đợt bị tra hỏi về chuyện “Tuyên truyền không đúng” trước kia của tôi, nhưng rồi họ cũng bỏ qua. Tôi lại được phân công về làm Y Tá ở trong một trại “Trại cải tạo”, ở trong “Trại cải tạo” toàn là lính: Địa Phương Quân với Lính Trường Sơn - Họ là lính thường, người Thượng. Tôi nhìn qua, nhìn lại chỉ có mỗi một mình tôi là nữ. Ban ngày họ đi làm đường, tối đến lại ngồi nghe “Học tập, thuyết giáo đủ điều”. Công việc của tôi cũng nhàn nhã, lâu lâu mới có một người “Tù cải tạo” lên xin thuốc... Trại này thông thoáng, không có nhốt, có cùm... (Có thể họ là người Thượng nên có phần “ưu tiên” chăng?). Trong trại tù, toàn là nam nhân nên sinh hoạt cá nhân của tôi quả là có bất tiện. Chiều tối tôi phải đi mấy cây số để về nhà tắm rửa, thay quần áo nghỉ ngơi... Tôi đi lại quá nhiều trong thời tiết mưa nắng, sương gió...Tôi bị sốt thương hàn, mẹ tôi phải đưa vô bệnh viện thị xã Kon Tum. Mẹ tôi, còn phải lo cho chị tôi. Chị tôi đi “cải tạo”, bởi chị là “viên chức Hành chánh ở Chi Khu DakTo”. Sau khi được thả về nhà chị cũng bị sốt rét nặng nằm ở Bệnh viện (Kon Đào). Lúc này ba của tôi sức khỏe cũng yếu, mẹ phải chăm sóc cho cả nhà. Cũng may là sau 1975, Bệnh viện KonTum vẫn còn thuốc thang và có lo ăn uống cho bệnh nhân. Tôi biết bệnh tình của tôi rất nặng, đi tiêu ra phân có màu nâu đen, ruột non đã bị xuất huyết... Bởi quá nhớ nhà, nên tôi giấu bác sĩ tình trạng bệnh... Tôi nhờ mẹ của cô bé bệnh nhân nằm cùng phòng dìu tôi ra ngã tư bên hông Bệnh Viện để đón xe về Tân Cảnh. Từ đầu ngõ vô nhà chỉ có một trăm thước mà tôi bước đi không nổi. Bệnh sốt rét đã làm thân thể của tôi tàn tạ. Ba tôi thấy tôi mà ông cũng nhìn không ra, ông hỏi: “*Cháu tìm ai?*”.

Những gia đình bị kẹt ở lại từ năm 1972 rồi bị dồn vào “khu sơ tán”. Sau năm 1975, nhà cầm quyền đưa họ đi định cư ở các huyện gọi là “vùng sâu, vùng xa”. Một hình thức “Kinh Tế Mới”. Gia đình nào muốn trở về lại đất nhà của mình nơi làng cũ thì phải có một người sống kỳ cựu ở làng cũ trước kia - đứng ra xác nhận và “bảo lãnh” thì mới được trở về. Nghĩ mà xót xa...! Người trong cùng một đất nước, cùng đồng bào với nhau mà phải có người “bảo lãnh” như người ngoại quốc.

Tôi có cô bạn nhỏ thất lạc gia đình nên xung phong đi bộ đội. Năm 1975 cô ấy hay tin ba của cô bị bắt đi “học tập cải tạo”. Vậy là cô “đào ngũ”. Người cha gặp lại con gái mà cứ gọi bằng “Bà” (do thất lạc từ năm 1972). Ông không nghĩ rằng con của ông lại đi (bộ đội), thành ra không nhận con của mình! Đơn vị của cô ấy biết chuyện tới dẫn cô về và bắt phải làm đơn xin “xuất ngũ”. Đơn vị cho cô ấy xuất ngũ và được hưởng quyền lợi sau khi xuất ngũ.

Một lần, tôi và cô bạn “bạo gan” hẹn nhau lên Trung Đoàn 42 để xem thử sau khi thất thủ năm 1972 có còn lại những gì...?! Đi tới cổng Trung Đoàn, chúng tôi thấy vài ba chiếc xe tăng cháy nằm áng ngữ ngay cổng cháy đen và đứt xích. Chúng tôi tìm cách đi vào bên trong, thấy bên trong khá sạch sẽ, nhà ở và phòng làm việc vẫn còn nguyên vẹn. Bồn nước cao ngệu vẫn còn, chỉ bị hư một góc vì hỏa tiễn tầm nhiệt. Hai đứa chúng tôi đi vào - nơi ăn, nơi nghỉ của các sĩ quan, chỉ thấy giấy tờ vạt bỏ tung tóe, giường chiếu chăn màn vẫn còn. Chúng tôi đi dạo quanh thì thấy một số căn nhà bị hỏa tiễn pháo sục đổ nát vun vùn ngang...! Quay trở về nhà, đi đến cầu 42. Hai chúng tôi chứng kiến “Bộ đội, hay ban quân quản” không rõ? Bởi họ mặc sắc phục giống nhau. Họ dùng báng súng đập vào đầu anh lính đang bị thương đang chống cây nạng tre đi trên cầu, rồi họ đẩy anh lính đó xuống suối trôi đi mất tiêu chỉ còn lại cây nạng tre lênh bênh trên mặt nước...! Tôi nghĩ anh lính bị thương gãy chân đã cố tìm về Thị trấn Tân Cảnh mong có ai đó giúp đỡ. **Tôi tận mắt chứng kiến kẻ “thắng cuộc” đã trả thù tàn nhẫn với người “thua cuộc”** mà chạnh lòng đau xót cho tình đồng bào ruột thịt. Sau ngày 1975, số phận của những người lính (Việt Nam Cộng Hòa) còn sống sót phải chịu đựng sự dọa dẫm thâm hiểm đến chết ở trong các trại tù “cải tạo” trên toàn quốc !

Tôi viết lại một giai đoạn lịch sử đau thương mà tôi đã trải qua như một “Hồi ức” (không Thẻ Nào Quên). Tuy nhiên, nếu mà đem so ra, thì (chuyện tôi kể) cũng không là gì đối với sự tang thương mất mát của cả một dân tộc nói chung; của cả một “Miền Nam: Tự Do - Nhân Bản” nói riêng. Dù sao, tôi cũng cảm ơn trời đất đã cho tôi ở lại với mẹ và em tôi tại Tân Cảnh. Ngày đó, năm 1972 tôi chỉ là một đứa con gái (mười bốn tuổi). Tôi mà leo lên phi cơ trực thăng để đi về Thị Xã KonTum, thì sau năm 1975, thử hỏi có còn đoàn tụ với gia đình? Hay họ đã bị chết đói hết ở trong “Khu Sơ Tán” bởi không có đủ sức khỏe đi tìm thức ăn ở trong rừng, trong rẫy để mà sống...!

Mọi thứ đều có sự an bài sẵn!

Liên Đình – Trang Y Hạ